

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG QUÝ I NĂM 2020**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Trần Mạnh Luân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc
---------------------	----------

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc
---------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

Ngày 27 tháng 04 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.557.653.519	243.456.067.935
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	56.025.114.556	33.391.595.439
1. Tiền	111		56.025.114.556	33.391.595.439
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	91.690.000.000	91.690.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		91.690.000.000	91.690.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.698.390.363	16.451.331.459
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.790.218.182	13.999.218.182
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		59.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	3.849.172.181	2.452.113.277
IV. Hàng tồn kho	140	7	79.872.240.798	97.756.974.200
1. Hàng tồn kho	141		92.712.812.454	110.597.545.856
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.840.571.656)	(12.840.571.656)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.271.907.802	4.166.166.837
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.280.324	20.520.794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.213.627.478	4.145.646.043
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.358.589.180.480	3.359.113.897.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.080.935.093	9.600.227.619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.080.935.093	9.600.227.619
- Nguyên giá	222		14.627.616.249	15.266.879.337
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.546.681.156)	(5.666.651.718)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.128.409.091	2.128.409.091
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.128.409.091	2.128.409.091
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.029.032.297.286	1.029.032.297.286
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.318.340.000.000	2.318.340.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.539.010	12.963.946
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.539.010	12.963.946
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.595.146.833.999	3.602.569.965.877

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		318.749.858.208	328.389.206.407
I. Nợ ngắn hạn	310		318.749.858.208	328.389.206.407
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	32.436.068.220	17.719.634.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.984.479.988	5.035.389.079
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		814.427.124	2.581.146.260
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		449.545.455	1.251.545.455
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	47.100.948.350	51.769.102.322
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	213.475.000.000	243.475.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		31.085.789	99.085.789
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.458.303.282	6.458.303.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.276.396.975.791	3.274.180.759.470
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	3.276.396.975.791	3.274.180.759.470
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.338.931.645	139.338.931.645
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		370.044.499.112	367.828.282.791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		367.828.282.791	154.004.085.464
- LNST chưa phân phối năm nay	421		2.216.216.321	213.824.197.327
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.595.146.833.999	3.602.569.965.877



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

Hải phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Dung
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	Quý 1
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		67.381.627.279	56.177.963.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	67.381.627.279	56.177.963.922
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	60.283.650.163	9.470.479.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		7.097.977.116	46.707.484.002
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.484.783.539	14.382.284.446
7. Chi phí tài chính	22		3.885.538.356	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.885.538.356	-
8. Chi phí bán hàng	25		1.047.999.497	247.664.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.081.041.505	708.841.527
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.568.181.297	60.133.262.910
11. Thu nhập khác	31		438.862.148	83.249.802
12. Chi phí khác	32		-	91.061
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	18	438.862.148	83.158.741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.007.043.445	60.216.421.651
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		790.827.124	2.905.429.007
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		2.216.216.321	57.310.992.644



Nguyễn Thế Hùng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

Hồ Thị Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Hồng Dung

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 Năm 2021	Quý 1 Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.007.043.445	60.216.421.651
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BDSĐT	02	519.292.526	373.284.300
Các khoản dự phòng	03	(68.000.000)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(148.106.153)	(60.216.322.368)
Chi phí lãi vay	06	3.885.538.356	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.195.768.174	373.383.583
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	9.241.534.453	802.110.969
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	17.884.733.402	7.368.687.980
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	22.154.870.937	(7.553.373.775)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(32.334.594)	(37.221.700)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.885.538.356)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.517.046.260)	(4.174.649.369)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.041.987.756	(3.221.062.312)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	136.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(181.827.271.426)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	251.133.776.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	(90.005.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.455.167.725	14.028.726.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.591.531.361	(6.669.769.129)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	22.633.519.117	(9.890.831.441)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.391.595.439	16.483.670.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	56.025.114.556	6.592.839.114

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021



Nguyễn Thế Hùng

Giám đốc

Hải phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

Hồ Thị Xuân Hòa

Kế toán trưởng

Phạm Hồng Dung

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 09/07/2019.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Bán ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất mô tô, xe máy.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con, Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/03/2021 như sau:

Công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	90,17	90,17	Xây dựng, kinh doanh nhà ở xã hội và nhà ở thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)***Công ty liên kết :*

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV	Số 275, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	35,17	35,17	Xây dựng, kinh doanh Bất động sản

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Áp dụng luật kế toán

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Các Công ty con là Công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành.

Góp vốn liên doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:***

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng là 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng là 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng và tỷ lệ 40% đối với hàng hóa chậm luân chuyển từ 02 năm trở lên, 40% đối với ô tô, đầu kéo chậm luân chuyển trên 02 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Thiết bị quản lý	05
Máy móc thiết bị	08
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành:

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và được tính bằng 0,045%/doanh thu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	68.287.220	997.067.216
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.956.827.336	32.394.528.223
Cộng	56.025.114.556	33.391.595.439

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	91.690.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	91.690.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000
Cộng	91.690.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần và hưởng lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con (1)	1.029.032.297.286	(*)	-	1.029.032.297.286
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	2.318.340.000.000	(*)	-	2.318.340.000.000
Cộng	3.347.372.297.286	-	-	3.347.372.297.286

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết cần được trình bày, tùy nhiên Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý nên trình bày theo giá trị sổ sách Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Đầu tư công ty con

Thông tin chi tiết về Công ty con:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99,78	99,78
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	Xây dựng nhà ở xã hội	90,17	90,17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(2) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết :*

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Chi tiết công ty con		1.029.032.297.286		1.029.032.297.286
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	51.077.400	565.339.701.680	51.077.400	565.339.701.680
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	47.895.000	463.692.595.606	47.895.000	463.692.595.606
Chi tiết công ty liên kết	-	2.318.340.000.000	-	2.318.340.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV	231.834.000	2.318.340.000.000	231.834.000	2.318.340.000.000
Cộng	-	3.347.372.297.286	-	3.347.372.297.286

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	3.849.172.181	2.452.113.277
Lãi tiền gửi phải thu	3.840.484.112	2.443.425.208
Phải thu khác	8.688.069	8.688.069
Cộng	3.849.172.181	2.452.113.277

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	58.747.790.333	12.840.571.656	40.088.989.929	12.840.571.656
Thành phẩm	1.435.142.096	-	712.755.907	-
Hàng hóa	32.529.880.025	-	25.345.837.826	-
Hàng gửi bán	-	-	44.449.962.194	-
Cộng	92.712.812.454	12.840.571.656	110.597.545.856	12.840.571.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	1.309.784.122	13.490.878.417	466.216.798	15.266.879.337
Tăng trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(639.263.088)	-	(639.263.088)
Số cuối kỳ	1.309.784.122	12.851.615.329	466.216.798	14.627.616.249
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	928.143.378	4.305.752.832	432.755.508	5.666.651.718
Khấu hao trong năm	104.290.884	408.851.642	6.150.000	519.292.526
Thanh lý, nhượng bán	-	(639.263.088)	-	(639.263.088)
Số cuối kỳ	1.032.434.262	4.075.341.386	438.905.508	5.546.681.156
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	381.640.744	9.185.125.585	33.461.290	9.600.227.619
Số cuối kỳ	277.349.860	8.776.273.943	27.311.290	9.080.935.093

Nguyên giá của Tài sản cố định đã bao gồm Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/03/2021 là 941.522.253 đồng (tại 01/01/2021: 982.479.886 đồng).

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	32.436.068.220	32.436.068.220	17.719.634.220	17.719.634.220
DongFeng Commercial Vehicle Co.,LTD	31.114.624.000	31.114.624.000	15.628.712.000	15.628.712.000
Shiyan Pingyun Industrial and trade Co Ltd	1.131.922.220	1.131.922.220	1.131.922.220	1.131.922.220
Các đối tượng khác	189.522.000	189.522.000	959.000.000	959.000.000
Cộng	32.436.068.220	32.436.068.220	17.719.634.220	17.719.634.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	47.100.948.350	51.769.102.322
Công ty TNHH Prukca International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam		4.668.153.972
Các khoản phải trả khác	26.928.350	26.928.350
Cộng	47.100.948.350	51.769.102.322

(*) Công ty TNHH Prukca International đã ứng trước 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối quý	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	243.475.000.000	243.475.000.000	-	30.000.000.000	213.475.000.000	213.475.000.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	243.475.000.000	243.475.000.000	-	30.000.000.000	213.475.000.000	213.475.000.000
Cộng	243.475.000.000	243.475.000.000	-	30.000.000.000	213.475.000.000	213.475.000.000

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay Công ty TNHH Prukca Việt Nam theo hợp đồng vay số 09.07/2020/PRU-HHS và 10.08/2020/PRU-HHS với lãi suất 6,8%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thực hiện cơ chế luân chuyển nguồn vốn đầu tư, kinh doanh của Công ty theo chủ trương của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 09/07/2020.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(134.681.958.146)	19.572.915.034	263.901.710.664	3.035.504.223.143
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(109.897.625.200)	(109.897.625.200)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	213.824.197.327	213.824.197.327
Tăng, giảm trong năm	-	68.006.054	134.681.958.146	-	-	134.749.964.200
Số đầu năm nay	2.747.440.630.000	139.338.931.645	-	19.572.915.034	367.828.282.791	3.274.180.759.470
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.216.216.321	2.216.216.321
Số cuối kỳ này	2.747.440.630.000	139.338.931.645	-	19.572.915.034	370.044.499.112	3.276.396.975.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)*Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của Công ty là 2.747.440.630.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 31/03/2021 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1.254.893.340.000	45,67	1.254.893.340.000	45,67
Ông Đỗ Hữu Hạ	148.000.000.000	5,39	148.000.000.000	5,39
Cổ đông khác	1.344.547.290.000	48,94	1.344.547.290.000	48,94
Cộng	2.747.440.630.000	100	2.747.440.630.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 1 Năm 2021	Quý 1 Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối quý (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.744.063	274.744.063
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	13.319,19	180,15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 như sau:

Quý I - Năm nay

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	25.912.145.460	-	41.469.481.819	67.381.627.279
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	25.912.145.460	-	41.469.481.819	67.381.627.279
2. Giá vốn	22.393.207.132	-	37.890.443.031	60.283.650.163
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	22.393.207.132	-	37.890.443.031	60.283.650.163
3. Lợi nhuận gộp	3.518.938.328	-	3.579.038.788	7.097.977.116
- LN gộp của hàng hóa, thành phẩm	3.518.938.328	-	3.579.038.788	7.097.977.116

Quý I - Năm trước

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	54.087.054.831	-	2.090.909.091	56.177.963.922
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	8.240.909.092	-	2.090.909.091	10.331.818.183
- Lãi hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC)	45.846.145.739	-	-	45.846.145.739
2. Giá vốn	7.592.344.454	-	1.878.135.466	9.470.479.920
Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	7.592.344.454	-	1.878.135.466	9.470.479.920
3. Lợi nhuận gộp	46.494.710.377	-	212.773.625	46.707.484.002
LN gộp của hàng hóa, thành phẩm	648.564.638	-	212.773.625	861.338.263
- Hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC)	45.846.145.739	-	-	45.846.145.739

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1 Năm 2021	Quý 1 Năm 2020
	VND	VND
<i>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong kỳ</i>	<i>67.381.627.279</i>	<i>56.177.963.922</i>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	67.381.627.279	10.331.818.183
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh		45.846.145.739
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	67.381.627.279	56.177.963.922

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1 Năm 2021	Quý 1 Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	60.283.650.163	9.470.479.920
Cộng	60.283.650.163	9.470.479.920

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 Năm 2021	Quý 1 Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.408.801.421	14.370.176.629
Lãi chênh lệch tỷ giá	75.982.118	12.107.817
Cộng	1.484.783.539	14.382.284.446

18. LỢI NHUẬN KHÁC

	Quý 1 Năm 2021	Quý 1 Năm 2020
	VND	VND
<i>Thu nhập khác</i>	<i>438.862.148</i>	<i>83.249.802</i>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	136.363.636	-
Thuường doanh số	302.498.512	83.249.802
<i>Chi phí khác</i>	<i>-</i>	<i>91.061</i>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	-
Các khoản chi phí khác	-	91.061
Lợi nhuận khác	438.862.148	83.158.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.025.114.556	33.391.595.439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.639.390.363	16.451.331.459
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.690.000.000	91.690.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
Cộng	3.501.726.802.205	3.488.905.224.184
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	213.475.000.000	243.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	79.537.016.570	69.488.736.542
Chi phí phải trả	449.545.455	1.251.545.455
Công nợ tài chính khác	31.085.789	99.085.789
Cộng	293.492.647.814	314.314.367.786

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

Thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Đồng thời, Công ty chịu rủi ro về tính hiệu quả và tình hình hoạt động của Công ty con và Công ty liên kết, Hội đồng Quản trị đã xem xét và quản trị các luồng tiền của Công ty con, công ty liên kết mang đi đầu tư bằng cách giám sát, đánh giá thường xuyên các dự án đầu tư tại bên nhận tiền, do đó rủi ro từ các khoản đầu tư này phụ thuộc vào hiệu quả và tình hình thực hiện các dự án tại bên nhận vốn.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.025.114.556	-	56.025.114.556
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.639.390.363	-	6.639.390.363
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.690.000.000	-	91.690.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
Cộng	154.354.504.919	3.347.372.297.286	3.501.726.802.205
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	213.475.000.000	-	213.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	79.537.016.570	-	79.537.016.570
Chi phí phải trả	449.545.455	-	449.545.455
Công nợ tài chính khác	31.085.789	-	31.085.789
Cộng	293.492.647.814	-	293.492.647.814
Chênh lệch thanh khoản thuần	(139.138.142.895)	3.347.372.297.286	3.208.234.154.391
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.391.595.439	-	33.391.595.439
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.451.331.459	-	16.451.331.459
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.690.000.000	-	91.690.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
Cộng	141.532.926.898	3.347.372.297.286	3.488.905.224.184
Số đầu năm			
Các khoản vay	243.475.000.000	-	243.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.488.736.542	-	69.488.736.542
Chi phí phải trả	1.251.545.455	-	1.251.545.455
Công nợ tài chính khác	99.085.789	-	99.085.789
Cộng	314.314.367.786	-	314.314.367.786
Chênh lệch thanh khoản thuần	(172.781.440.888)	3.347.372.297.286	3.174.590.856.398

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN (Tiếp theo)

Các dự án dự kiến đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV

- Dự án “Hoàng Huy Commerce” đất ở chung cư, kết hợp thương mại dịch vụ tại Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án “Hoàng Huy Grand Tower” đất ở liền kề, đất ở kết hợp chung cư, thương mại dịch vụ tại Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án “Hoàng Huy New City” đất ở liền kề, đất ở liền kề sân vườn, đất nhà ở xã hội, đất ở chung cư, đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ tại huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án “Hoàng Huy Green River” đất ở liền kề, đất ở liền kề sân vườn, đất nhà ở xã hội, đất ở chung cư, đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ tại huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

Đây là các dự án hiện do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy là Chủ đầu tư và đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

Các dự án trên sẽ phân giao/chuyển giao/thực hiện bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV theo chủ trương và kế hoạch phát triển dự án được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV, Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy thông qua. Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV hiện là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.

21. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 1 NĂM 2021 SO VỚI CÙNG KỲ

Trong kỳ, doanh thu của công ty đạt 67.381.627.279 đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2.216.216.321 đồng giảm 96,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Lý do chính của chênh lệch này là do trong quý 1 vừa qua Công ty mẹ không nhận các khoản chia lãi hợp tác đầu tư từ mảng bất động sản như cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt ở mức cao, đạt 55.630.361.063 đồng, hoàn thành 27,8% chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho cả năm 2021.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 31/03/2020.



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

Hải phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Dung
Người lập biểu

